

Tăng tỷ trọng

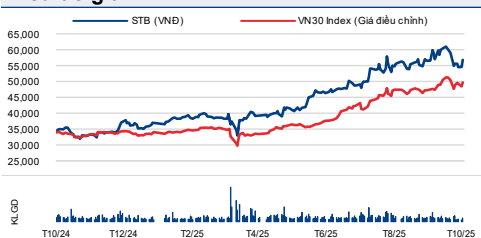
Giá mục tiêu: VNĐ58,200

Tiềm năng tăng/giảm: 1.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/10/2025)	57,200
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,950-61,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	56,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	107,834
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,095
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	ng Dương Công Minh (3.32%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	748	849	971
Dư nợ cho vay (ntđ)	539	626	726
Tổng thu nhập HD (ntđ)	28.7	33.2	38.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	10.1	12.9	16.3
BVPS (đồng)	29,160	35,394	42,640
EPS (đồng)	5,351	6,830	8,627
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	11.7	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	9.57	15.7	17.3
Tăng trưởng EPS (%)	30.7	27.7	26.3
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	20.0	21.2	22.1
ROAA (%)	1.42	1.61	1.79
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.61	3.63
Tỷ lệ CIR (%)	48.8	45.9	43.0
Hệ số CAR (%)	10.1	10.3	10.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.40	1.90	1.70
LLR/nợ xấu (%)	68.4	80.7	83.6
Hệ số LDR (%)	95.1	96.4	97.2
P/B (lần)	1.96	1.62	1.34
P/E (lần)	10.7	8.37	6.63
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2025: Tăng trưởng 33%; thấp hơn một chút so với dự báo

- STB đã công bố LNTT Q3 đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (tăng 33%) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 24% và chi phí dự phòng giảm 13% trong khi chi phí hoạt động tăng 25%. LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 11 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi do không xuất hiện khoản hoàn nhập dự phòng KCN Phong Phú.
- Tín dụng tăng trưởng vững chắc 12,7% kể từ đầu năm và tỷ lệ NIM cải thiện lên 3,91%. Trong khi đó, nợ xấu tăng lên 2,75%.
- STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,38 lần, tương đương bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,38 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 29/10/2025

STB đã công bố KQKD Q3/2025 khiêm tốn với LNTT đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước) nhờ thu nhập lãi thuần tăng mạnh 24% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm 13% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập ngoài lãi chỉ tăng 6% so với cùng kỳ và chi phí hoạt động tăng 25% so với cùng kỳ. LNTT Q3/2025 thấp hơn dự báo của chúng tôi (4,2 nghìn tỷ đồng) do không xuất hiện khoản hoàn nhập dự phòng liên quan đến thanh lý KCN Phong Phú.

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 11 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng vững chắc

Tín dụng tăng trưởng 12,7% so với đầu năm (tăng 3,7% so với quý trước) đạt 606 nghìn tỷ đồng nhờ tất cả các phân khúc, bao gồm bán lẻ, DNNVV và doanh nghiệp lớn. Do tăng trưởng tín dụng 9 tháng đầu năm 2025 gần đạt hạn mức tín dụng của STB trong năm nay (16%), chúng tôi giữ nguyên quan điểm Ngân hàng có thể hoàn thành hạn mức tăng trưởng này.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q3/2025, STB

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi

(Tỷ đồng)	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,365	7,874	24%	18,433	21,323	16%	76%
Thu nhập ngoài lãi	873	922	6%	2,835	3,040	7%	58%
Lãi thuần HD dịch vụ	756	673	-11%	2,015	2,320	15%	66%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	218	194	-11%	831	728	-12%	66%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	6	(0)		45	3	-94%	5%
Thu nhập khác	(111)	52		(60)	(25)	-59%	-5%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	4	2%	4	13	253%	66%
Tổng thu nhập HD	7,238	8,797	22%	21,267	24,362	15%	73%
Chi phí HD	(3,287)	(4,096)	25%	(10,831)	(11,223)	4%	74%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,950	4,701	19%	10,436	13,140	26%	73%
Chi phí dự phòng	(1,199)	(1,044)	-13%	(2,342)	(2,152)	-8%	116%
LNTT	2,752	3,657	33%	8,094	10,988	36%	68%
Lợi nhuận thuần	2,201	2,901	32%	6,489	8,692	34%	67%

Nguồn: STB, HSC

Tổng vốn huy động tăng 13,1% so với đầu năm (tăng 3% so với quý trước) đạt 641 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, nợ vay liên ngân hàng và phát hành giấy tờ có giá tăng lần lượt 16% và 5% so với đầu năm lên 82 lần lượt nghìn tỷ đồng và 39 nghìn tỷ đồng.

Vị thế cho vay liên ngân hàng thuần của STB giảm nhẹ xuống 35 nghìn tỷ đồng tính đến cuối Q3/2025 từ 40 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2025. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm xuống 15,7% từ 17,7% tại thời điểm cuối Q2/2025.

Tỷ lệ NIM mở rộng trong Q3 có thể nhờ thu hồi lãi

Tỷ lệ NIM tăng 39 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 20 điểm cơ bản so với cùng kỳ đạt 3,91% trong Q3/2025 nhờ lãi suất cho vay tăng 53 điểm cơ bản so với quý trước lên 7,93% và chi phí huy động tăng 21 điểm cơ bản lên 4,34%. Tỷ lệ NIM 9 tháng đầu năm 2025 đạt 3,67%, tăng 4 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Thu nhập lãi thuần Q3/2025 đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ, tương đương đạt 21,3 nghìn tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng 16% so với cùng kỳ, hoàn thành 76% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Do ngành ngân hàng vẫn duy trì các gói cho vay hỗ trợ trong Q3/2025, tỷ lệ NIM của ngành đã phải đối mặt với áp lực trong quý này. Do đó, khả năng mở rộng tỷ lệ NIM/tăng trưởng thu nhập lãi thuần của STB có vẻ chỉ mang tính tạm thời. Cụ thể, chúng tôi cho rằng thu nhập lãi thuần mạnh mẽ phản ánh một phần khoản thu hồi lãi từ việc bán KCN Phong Phú (chúng tôi giả định là 1,5 nghìn tỷ đồng). Ngân hàng đã ghi nhận đầy đủ dự nợ cho vay (5 nghìn tỷ đồng nợ gốc và 11 nghìn tỷ đồng lãi dự thu) và đã đấu giá thành công tài sản đảm bảo KCN Phong Phú trong năm 2023 với giá trị 7,9 nghìn tỷ đồng. Do đó, chúng tôi kỳ vọng khoản thu này, trừ đi 1,5 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025, sẽ phản ánh vào báo cáo KQKD của STB trong tương lai, dưới khoản mục thu nhập lãi hoặc hoàn nhập dự phòng.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng khiêm tốn

Thu nhập ngoài lãi tăng 6% so với cùng kỳ trong Q3/2025 đạt 922 tỷ đồng nhờ thu nhập khác (52 tỷ đồng so với lỗ 111 tỷ đồng trong Q3/2024) trong khi lãi thuần HĐ dịch vụ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 11% so với cùng kỳ đạt lần lượt 673 tỷ đồng và 194 tỷ đồng. STB chưa công bố cơ cấu chi tiết về lãi thuần HĐ dịch vụ trong quý.

Chi phí hoạt động tăng lên mức nền cao trong Q3

Tổng chi phí hoạt động tăng 25% so với cùng kỳ lên 4.095 tỷ đồng trong Q3/2025. Trong đó, chi phí lao động tăng 21% so với cùng kỳ lên 2.378 tỷ đồng và chi phí liên quan đến tài sản tăng 29% so với cùng kỳ lên 869 tỷ đồng. Trong quý, chi phí bảo hiểm cho tiền gửi khách hàng ở mức cao (357 tỷ đồng) sau khi ở mức thấp trong những quý trước.

Số lượng nhân viên của Ngân hàng đã giảm 8% so với cùng kỳ xuống 16.734 người, phản ánh kế hoạch tinh giản biên chế của STB. Kế hoạch này được dự báo sẽ giúp giảm chi phí lao động trong thời gian tới từ mức nền cao trong quý này.

Do chi phí hoạt động ở mức cơ sở cao, hệ số CIR trong quý đã tăng lên 46,5% từ 41,2% trong Q1/2025.

Chất lượng tài sản trái chiều

Đối với chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,75% từ 2,46% tại thời điểm cuối Q2/2025 trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 1,64% từ 0,73% tại thời điểm cuối Q2/2025. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 93% từ 74% tại thời điểm cuối Q3/2025.

Chi phí dự phòng giảm 13% so với cùng kỳ xuống 1.044 tỷ đồng nhưng vẫn ở mức cao. Chi phí dự phòng 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 116% dự báo cả năm của chúng tôi và vẫn chưa hoàn nhập dự phòng cho KCN Phong

Phú (chúng tôi giả định là 2,8 nghìn tỷ đồng trong nửa cuối năm 2025). Chúng tôi kỳ vọng Ngân hàng sẽ hoàn nhập dự phòng trong Q4/2025.

Đối với tài sản tồn đọng, số dư thuần VAMC gần như đi ngang kể từ đầu năm ở mức 1,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 0,19% tổng tài sản. Trong khi đó, tổng dư nợ VAMC giảm 5,2 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm xuống 9,7 nghìn tỷ đồng và dự phòng cũng giảm xuống 8,1 nghìn tỷ đồng từ 13,2 nghìn tỷ đồng. Do cả dư nợ VAMC và dự phòng đều giảm tương đương, chúng tôi tin rằng điều này đến từ việc thanh toán khoản nợ gốc của KCN Phong Phú.

Yếu tố quan trọng để thanh toán phần dư nợ VAMC còn lại sẽ là thương vụ đấu giá 32,5% cổ phần của ông Trầm Bê, dự kiến diễn ra vào cuối năm 2025.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Mặc dù KQKD 9 tháng đầu năm 2025 của STB thấp hơn một chút so với dự báo, chúng tôi vẫn nhận thấy STB có khả năng hoàn thành dự báo cả năm của chúng tôi nếu hoàn nhập dự phòng KCN Phong Phú trong Q4/2025.

Sau khi đi ngang trong 1 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,38 lần, sát với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,38 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	55.9	50.0	59.1	70.3	82.0
Chi phí lãi	(33.9)	(25.5)	(31.1)	(37.9)	(44.1)
Thu nhập lãi thuần	22.1	24.5	28.0	32.4	37.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.62	2.98	3.52	4.26	5.28
Lãi thuần HĐ KDNH	1.10	1.11	1.11	1.22	1.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.03	0.06	0.06	0.07	0.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.02	0.00	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.33	0.00	0.50	0.98	1.18
Tổng thu nhập HĐ	26.2	28.7	33.2	38.9	45.8
Chi phí HĐ	(12.9)	(14.0)	(15.2)	(16.7)	(18.4)
LN trước dự phòng	13.3	14.7	18.0	22.2	27.4
Chi phí dự phòng	(3.69)	(1.97)	(1.86)	(1.85)	(2.09)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9.60	12.7	16.1	20.3	25.3
Chi phí thuế TNDN	(1.88)	(2.63)	(3.22)	(4.07)	(5.07)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7.72	10.1	12.9	16.3	20.3
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,830	8,627	10,751
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7.55	8.21	9.74	9.70	8.58
Tiền gửi tại NHNN	12.8	17.6	15.4	10.9	12.3
Tiền gửi tại các TCTD khác	50.3	88.2	95.3	103	111
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	475	530	616	715	824
Tổng dư nợ cho vay	483	539	626	726	835
Dự phòng rủi ro	(7.56)	(8.87)	(9.60)	(10.3)	(10.9)
Chứng khoán đầu tư	74.6	85.6	93.6	112	129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	22.6	23.6	28.3	33.9	39.0
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66.7	75.4	80.4	93.5	105
Dự phòng rủi ro	(14.6)	(13.3)	(15.1)	(15.1)	(15.1)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.27	7.36	7.58	7.80	8.04
Tài sản khác	46.5	10.5	11.4	12.2	13.0
Tổng tài sản	674	748	849	971	1,106
Nợ phải trả	629	693	782	891	1,008
Tiền gửi của NHNN	0.02	0.05	0.06	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	38.0	70.7	77.7	88.6	94.8
Tổng tiền gửi KH	511	567	649	746	858
Trái phiếu và CCTG	29.0	36.8	38.6	40.5	40.5
Nợ khác	50.5	18.3	16.4	14.8	14.1
Vốn chủ sở hữu	45.7	55.0	66.7	80.4	97.6
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	20.4	28.4	38.0	49.2	63.4
Quỹ & vốn khác của CSH	4.75	5.94	8.14	10.6	13.6
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	674	748	849	971	1,106
BVPS (đồng)	24,259	29,160	35,394	42,640	51,779

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.9	10.9	13.5	14.4	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.1	11.7	16.0	16.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.3	11.0	14.5	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	11.8	13.9	14.4	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.2	21.4	20.5	21.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.7	11.1	14.1	15.7	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.6	8.48	8.97	9.83	9.83
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(12.5)	10.6	22.2	23.6	23.6
Tăng trưởng LNTT (%)	51.4	32.6	26.5	26.3	24.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.1	30.7	27.7	26.3	24.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.13	4.03	4.16	4.28	4.41
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.97)	(1.91)	(1.84)	(1.77)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	94.4	97.1	98.1	98.5
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.41	1.56	1.74	1.95
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	14.0	18.2	23.3	29.4	36.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.0	10.7	8.37	6.63	5.32
P/B (lần)	2.36	1.96	1.62	1.34	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.5	35.2	38.8	41.8	44.2
ROAA (%)	1.22	1.42	1.61	1.79	1.95
ROAE (%)	18.3	20.0	21.2	22.1	22.8
Chi phí huy động BQ (%)	6.17	4.07	4.32	4.62	4.72
Lợi suất góp BQ (%)	9.56	7.44	7.62	7.87	8.02
Lợi suất thuần (%)	3.39	3.38	3.30	3.25	3.30
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.65	3.61	3.63	3.71
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.0	10.4	10.6	10.9	11.5
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.3	85.5	84.3	83.2	82.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.67	4.07	5.09	5.87	5.70
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	48.8	45.9	43.0	40.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.11	10.1	10.3	10.7	11.2
VCSH/Tổng TS (%)	6.78	7.35	7.86	8.28	8.83
Đòn bẩy vốn (lần)	14.7	13.6	12.7	12.1	11.3

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	2.40	1.90	1.70	1.50
Hệ số LLR (%)	68.8	68.4	80.7	83.6	87.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	95.1	96.4	97.2	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.57	10.5	10.2	10.1	9.54
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.6	72.1	73.7	74.7	75.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	19,358	20,326	21,342	22,409	23,530

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn